

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án phát triển Trường Trung học phổ thông chuyên Lam Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung học phổ thông chuyên; Thông tư số 22/2025/TT-BGDĐT ngày 30/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chương trình giáo dục nâng cao dành cho các môn chuyên trong trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Kết luận số 390-KL/TU ngày 02/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển Trường Trung học phổ thông chuyên Lam Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3277/TTr-SGDĐT ngày 30/6/2026.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển Trường Trung học phổ thông chuyên Lam Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2 Quyết định;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đầu Thanh Tùng**

**ĐỀ ÁN**  
**PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**CHUYÊN LAM SƠN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

**PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và chuyển đổi số, mô hình phát triển kinh tế - xã hội đang thay đổi sâu sắc, đặt ra yêu cầu cấp thiết về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia và địa phương.

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được xác định là quốc sách hàng đầu; trong đó giáo dục mũi nhọn có vai trò quan trọng trong việc phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, tạo nền tảng hình thành đội ngũ nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao ngay từ bậc học phổ thông. Các chủ trương của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW đã nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển giáo dục mũi nhọn, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

Đối với tỉnh Thanh Hóa, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và các chương trình, kế hoạch của tỉnh đặt ra yêu cầu phải quan tâm đầu tư phát triển giáo dục chất lượng cao, trong đó trường trung học phổ thông (THPT) chuyên Lam Sơn giữ vai trò nòng cốt trong việc phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi và học sinh năng khiếu, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh.

Xét trên các chỉ số định lượng, quy mô đào tạo học sinh chuyên của tỉnh Thanh Hóa hiện nay còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng dân số và truyền thống giáo dục của địa phương. Tỷ lệ học sinh chuyên trên tổng số học sinh THPT của tỉnh hiện thấp hơn nhiều so với bình quân chung cả nước và các tỉnh có điều kiện tương đồng, dẫn đến tình trạng chưa khai thác hết nguồn lực tài năng trẻ trong tỉnh.

Nhà trường hiện chỉ tổ chức đào tạo 09 môn chuyên, với 35 lớp và 1.225 học sinh trong khi nhiều địa phương đã phát triển từ 11 đến 14 môn chuyên, từ 60 đến 136 lớp. Đặc biệt về chuyên ngoại ngữ nhà trường mới có chuyên tiếng

Anh, chưa có các chuyên ngoại ngữ như tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Nga, tiếng Pháp để đáp ứng được chủ trương của Chính phủ (tại Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 và Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025) cũng như yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, nhu cầu học tập tại Trường THPT chuyên Lam Sơn luôn ở mức rất cao, tạo áp lực lớn lên chỉ tiêu tuyển sinh hiện tại, đòi hỏi phải có sự thay đổi mạnh mẽ về quy mô và cơ cấu đào tạo. Nhà trường cũng chưa có quy hoạch tổng thể về cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại, đồng bộ. Cơ sở vật chất xuống cấp nghiêm trọng với 13 công trình chủ yếu xây dựng từ giai đoạn 1984- 2007, nhiều hạng mục phải phá dỡ, hệ thống phòng chức năng và thiết bị thí nghiệm vừa thiếu vừa lạc hậu. Cơ chế hỗ trợ, khen thưởng, chính sách đặc thù đối với giáo viên và học sinh chưa đủ sức thu hút; đội ngũ hiện có còn thiếu về số lượng, đồng thời chưa đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số và hội nhập quốc tế.

Vì vậy, việc xây dựng Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lam Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là cần thiết, nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh về giáo dục và đào tạo; đồng thời tạo cơ sở để đầu tư, tổ chức phát triển nhà trường theo hướng hiện đại, chất lượng cao, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1. Cơ sở chính trị**

Việc xây dựng Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lam Sơn được thực hiện trên cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025- 2030.

- Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/11/2025 của Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về phát triển giáo dục và đào tạo.

## **2. Cơ sở pháp lý**

Đề án được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về phát triển giáo dục và đào tạo.

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của THPT chuyên.

- Thông tư số 22/2025/TT-BGDĐT ngày 30/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chương trình giáo dục nâng cao dành cho các môn chuyên trong trường THPT chuyên.

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

- Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025- 2035, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025- 2035, định hướng đến năm 2045.

- Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển giáo dục và đào tạo.

## **PHẦN II. THỰC TRẠNG**

Trường THPT chuyên Lam Sơn là cơ sở giáo dục chuyên biệt của tỉnh Thanh Hóa, có truyền thống lịch sử lâu đời gắn liền với sự phát triển của nền giáo dục tỉnh nhà. Tiền thân của nhà trường là Trường Collège de Thanh Hóa được thành lập năm 1931.

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, đến năm 1992, UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định tách Trường phổ thông trung học Lam Sơn thành hai trường: Trường phổ thông trung học Lam Sơn (nay là Trường THPT chuyên Lam Sơn) và Trường phổ thông trung học Đào Duy Từ (nay là Trường THPT Đào Duy Từ).

Với nhiệm vụ tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trên địa bàn toàn tỉnh, Trường THPT chuyên Lam Sơn đã từng bước phát triển và trở thành một trong những trường THPT chuyên có uy tín và thành tích tiêu biểu của Việt Nam. Nhiều thế hệ học sinh của nhà trường đã trưởng thành, trở thành các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân và chuyên gia trong nhiều lĩnh vực, đóng góp tích cực cho sự phát triển của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

## **1. Về quy mô trường lớp và học sinh**

Xét trên các chỉ số định lượng, quy mô đào tạo học sinh chuyên của tỉnh Thanh Hóa hiện nay còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng dân số, truyền thống hiếu học và vị thế giáo dục của địa phương. Với quy mô dân số khoảng 4,3 triệu người, thuộc nhóm tỉnh đông dân của cả nước, Thanh Hóa hiện mới có 01 trường THPT chuyên với 35 lớp chuyên, 1.225 học sinh; tỷ lệ học sinh chuyên trên dân số đạt khoảng 0,028%, thấp hơn đáng kể so với nhiều địa phương có điều kiện tương đồng như Ninh Bình (0,120%), Phú Thọ (0,130%), Hà Tĩnh (0,110%), Nghệ An (0,068%), Hải Phòng (0,065%). So với tổng số học sinh THPT toàn tỉnh, tỷ lệ học sinh chuyên mới đạt khoảng 1,08%, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (khoảng 2,7%), cho thấy khả năng phát triển giáo dục mũi nhọn của tỉnh còn rất lớn.

Nhu cầu học tập tại Trường THPT chuyên Lam Sơn luôn ở mức cao và ổn định trong nhiều năm gần đây; số lượng học sinh đăng ký dự thi hàng năm thường cao gấp nhiều lần chỉ tiêu tuyển sinh (năm học 2023- 2024 có 1.562 hồ sơ/385 chỉ tiêu; năm học 2024- 2025 có 1.707 hồ sơ/420 chỉ tiêu; năm học 2025-2026 có 1.488 hồ sơ/420 chỉ tiêu), phản ánh rõ nhu cầu xã hội đối với môi trường giáo dục chất lượng cao và nguồn học sinh có năng lực tốt trên địa bàn tỉnh rất dồi dào.

Về cơ cấu môn chuyên, Trường THPT chuyên Lam Sơn hiện mới tổ chức 09 môn chuyên, trong khi nhiều địa phương đã mở rộng đáng kể số môn chuyên như Ninh Bình (12 môn chuyên), Phú Thọ (11 môn chuyên), Hà Tĩnh (10 môn chuyên), Nghệ An (13 môn chuyên), Hải Phòng (14 môn chuyên). Việc mở rộng các môn chuyên ngoại ngữ như tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Nga, tiếng Pháp phù hợp với định hướng của Chính phủ tại Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025–2035, định hướng đến năm 2045”.

## **2. Về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ**

### **2.1. Về cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất hiện nay của Trường THPT chuyên Lam Sơn được tiếp nhận từ Trường Đại học Hồng Đức từ năm 2015, phần lớn các hạng mục công trình được xây dựng từ trước năm 2000, trong đó có công trình từ năm 1984, nhiều khối nhà xây dựng giai đoạn 1990- 1999. Phần lớn các hạng mục công trình của nhà trường hiện nay đã hết niên hạn sử dụng và xuống cấp nghiêm trọng. Hệ thống phòng học và phòng chức năng không được thiết kế theo tiêu chuẩn trường THPT chuyên hiện đại, dẫn đến tình trạng vừa thiếu hụt không gian học tập chuyên sâu, vừa không

đồng bộ trong vận hành. Nhiều hạng mục dù đã được cải tạo tạm thời nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, không đáp ứng được yêu cầu triển khai các mô hình dạy học thông minh.

Cụ thể, nhiều khối nhà xây dựng giai đoạn 1990- 1999: A1 (1990), A2 (1993), A3 (1997), A4 (1999), A6 (1998), B5 (1998)...; chỉ có rất ít hạng mục được xây dựng sau năm 2000 và gần nhất là năm 2015. Nhà trường đã được đầu tư kinh phí cải tạo, sửa chữa một số hạng mục (các nhà học A1, A2, A5, nhà hiệu bộ A5, nhà truyền thống, hội trường A7, thư viện, ký túc xá, còn nhiều hạng mục chưa được đầu tư cải tạo, sửa chữa) nhưng việc cải tạo, sửa chữa chỉ mang tính tạm thời, đến nay các công trình này tiếp tục xuống cấp nghiêm trọng: tường nứt, bong tróc, thấm dột; nền, trần hư hỏng; hiện tượng “nổ” bê tông cốt thép xuất hiện ở nhiều vị trí; hệ thống điện, nước xuống cấp. Hệ thống các phòng học chức năng vừa thiếu (16 phòng) vừa không đảm bảo, các thiết bị dạy học, thiết bị thí nghiệm phục vụ giảng dạy các đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thiếu.

Thực trạng trên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy và học mà còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, có thể gây tai nạn cho cán bộ, giáo viên và học sinh trong quá trình giảng dạy, học tập và sinh hoạt. Ngoài ra, khi mở rộng quy mô các môn chuyên và lớp chuyên cơ sở vật chất nhà trường không đáp ứng được. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo đồng bộ cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Lam Sơn là hết sức cấp thiết và không thể trì hoãn.

## **2.2. Về hạ tầng công nghệ**

Trường THPT chuyên Lam Sơn đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy. Một số hệ thống quản lý của ngành giáo dục đã được triển khai như: học bạ điện tử và quản lý học sinh trên hệ thống vnEdu; quản lý dữ liệu cán bộ, giáo viên trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; quản lý hồ sơ chuyên môn trên nền tảng VNPT SmartCA. Nhà trường cũng đã quan tâm đầu tư hệ thống mạng nội bộ, đường truyền internet và các nền tảng phục vụ quản lý, dạy học trực tuyến, tuy nhiên hệ thống còn chưa đồng bộ, tốc độ và độ ổn định đường truyền chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các mô hình dạy học số, lớp học thông minh và quản trị nhà trường theo hướng chuyển đổi số toàn diện.

Thực trạng trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dạy học, bồi dưỡng học sinh giỏi, hội nhập giáo dục quốc tế trong giai đoạn tới và mở rộng các môn chuyên và lớp chuyên.

## **3. Về cơ chế, chính sách đối với giáo viên và học sinh**

Giáo viên và học sinh Trường THPT chuyên Lam Sơn được hưởng các chế độ, chính sách chung của Nhà nước dành cho trường trung học phổ thông chuyên, đồng thời được thụ hưởng một số chính sách hỗ trợ của tỉnh Thanh Hóa.  
Cụ thể:

- Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 03/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định các chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý, cơ bản đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay, góp phần tạo động lực trong giảng dạy, học tập và bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định chế độ khen thưởng cho giáo viên, học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc gia, khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, sau hơn 6 năm ban hành, Nghị quyết này chưa được điều chỉnh, sửa đổi nên bộc lộ nhiều hạn chế: mức khen thưởng còn thấp so với mặt bằng chung của các tỉnh có thành tích giáo dục tương đương, chưa tạo được sức cạnh tranh và động lực đủ mạnh trong bối cảnh hiện nay.

Hiện nay, nhà trường vẫn còn thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá và đủ mạnh. Cụ thể: chưa có chính sách hấp dẫn để thu hút giáo viên giỏi và chuyên gia chất lượng cao; chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giáo viên còn hạn chế; chưa xây dựng được cơ chế dài hạn để phát triển đội ngũ nòng cốt và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao từ học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế. Trong bối cảnh yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn ngày càng lớn và sự cạnh tranh giữa các địa phương ngày càng gay gắt, những hạn chế trên đang ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thu hút, giữ chân và phát triển đội ngũ giáo viên, từ đó làm giảm hiệu quả nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Vì vậy, việc rà soát, điều chỉnh và ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội là hết sức cấp thiết, nhằm tạo động lực mạnh mẽ hơn cho đội ngũ giáo viên và học sinh, đồng thời nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Trường THPT chuyên Lam Sơn trong giai đoạn tới.

#### **4. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên**

Trường THPT chuyên Lam Sơn hiện có 112 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Trong đó, 98 viên chức biên chế, gồm 03 cán bộ quản lý (01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng), 93 giáo viên và 02 nhân viên hành chính; 14 nhân viên hợp đồng theo vị trí việc làm với thời gian công tác từ 5 đến 17 năm nhưng chưa được tuyển dụng chính thức. Nhà trường hiện còn thiếu 29 biên chế viên chức, gồm 15 giáo viên và 14 nhân viên hành chính. Trong tổng số 93 giáo viên có 42 giáo viên trực tiếp giảng dạy môn chuyên; có 06 tiến sĩ, 72 thạc sĩ, số còn lại có trình độ đại học.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của nhà trường cơ bản đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, bồi dưỡng học sinh giỏi trong những năm qua. Nhiều giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, giàu kinh nghiệm và tâm huyết, góp phần quan trọng vào thành tích giáo dục mũi nhọn của trường.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, đội ngũ giáo viên vẫn tồn tại một số hạn chế nổi bật. Trước hết là tình trạng thiếu giáo viên môn chuyên và chưa đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, bồi dưỡng học sinh giỏi ngày càng cao. Nhiều giáo viên phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn, dạy liên

tục các lớp chuyên và đội tuyển, dẫn đến áp lực cao, thiếu thời gian tự học, nghiên cứu khoa học và cập nhật kiến thức mới, đặc biệt về năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, cơ cấu đội ngũ chưa hợp lý: giáo viên môn chuyên có xu hướng già hóa, thiếu lực lượng kế cận chất lượng cao; việc thu hút giáo viên giỏi, chuyên gia trình độ cao còn khó khăn do thiếu cơ chế, chính sách đủ mạnh. Một bộ phận giáo viên còn hạn chế về năng lực nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin và dạy học hiện đại; chưa hình thành đội ngũ mạnh về các lĩnh vực mới như STEM, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu. Đặc biệt, trình độ tiếng Anh của đa số giáo viên còn thấp, chỉ khoảng 2% có khả năng dạy môn khoa học bằng tiếng Anh.

Về nguồn cung ứng giáo viên ngoại ngữ cơ bản đã được bảo đảm, đáp ứng nhu cầu khi mở rộng các môn chuyên. Số liệu thống kê sinh viên tốt nghiệp các ngành ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc cho thấy trong ba năm, từ năm 2022 đến 2024, số lượng sinh viên tốt nghiệp tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc ở trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội đã tăng lên qua các năm. Cụ thể từ năm 2022 đến 2024, số lượng sinh viên tốt nghiệp thuộc 3 ngành ngôn ngữ tăng là: tiếng Trung Quốc tăng từ 175 đến 285, tiếng Nhật Bản tăng từ 60 đến 145, tiếng Hàn Quốc tăng từ 100 đến 225. Tại trường Đại học Hà Nội, năm 2024 trong tổng số sinh viên ngôn ngữ tốt nghiệp có 350 sinh viên tiếng Trung Quốc, 225 sinh viên tiếng Nhật Bản, 270 sinh viên tiếng Hàn Quốc.

Những hạn chế nêu trên đang ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục mũi nhọn của nhà trường, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng và trẻ hóa đội ngũ giáo viên, gắn với việc xây dựng các cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ trong thời gian tới.

## **5. Về chất lượng giáo dục**

Trong những năm qua, Trường THPT chuyên Lam Sơn luôn duy trì chất lượng giáo dục ở mức cao, khẳng định vị thế là một trong những trung tâm đào tạo học sinh giỏi hàng đầu cả nước. Học sinh của nhà trường có năng lực học tập tốt, nhiều em trúng tuyển vào các trường đại học top đầu trong nước và từng bước gia tăng số lượng trúng tuyển vào các trường đại học quốc tế.

Trong lĩnh vực bồi dưỡng học sinh giỏi, nhà trường đạt nhiều thành tích nổi bật. Tính đến tháng 01 năm 2026, toàn trường có 2.166 giải học sinh giỏi quốc gia, trong đó có 112 giải Nhất; có 55 học sinh tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế, đạt 49 giải thưởng (gồm 10 Huy chương Vàng, 20 Huy chương Bạc, 15 Huy chương Đồng và 04 Bằng khen); có 30 học sinh tham gia các kỳ thi Olympic khu vực, trong đó đạt 22 giải thưởng. Những kết quả này thể hiện nền tảng vững chắc và truyền thống đào tạo mũi nhọn của nhà trường.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, chất lượng giáo dục của nhà trường vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục để đáp ứng yêu cầu phát

triển trong giai đoạn mới. Cụ thể: số lượng học sinh trúng tuyển vào các trường đại học quốc tế tuy có xu hướng tăng nhưng chưa nhiều và chưa ổn định, chưa tương xứng với tiềm năng của một trường chuyên trọng điểm; hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo của học sinh đã được triển khai nhưng còn hạn chế về quy mô, thiếu chiều sâu và chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh; trình độ ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh của học sinh đã có chuyển biến nhưng chưa đồng đều, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu học tập, nghiên cứu và hội nhập quốc tế; số học sinh đạt trình độ cao (phục vụ học tập tại các cơ sở giáo dục quốc tế) còn hạn chế.

Trong bối cảnh các trường THPT chuyên trong cả nước đang đẩy mạnh đầu tư, nâng cao chất lượng theo hướng tiếp cận chuẩn khu vực và quốc tế, những hạn chế nêu trên đang đặt ra thách thức lớn đối với việc duy trì và nâng cao vị thế của nhà trường. Điều này đòi hỏi phải có sự đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, đội ngũ và cơ chế chính sách, nhằm tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục một cách toàn diện.

Vì vậy, việc đầu tư phát triển Trường THPT chuyên Lam Sơn trong giai đoạn tới là hết sức cấp thiết, không chỉ để giữ vững thành tích hiện có mà còn tạo bước đột phá trong đào tạo học sinh giỏi, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

## **6. Về hợp tác và hội nhập quốc tế**

Trong những năm qua, Trường THPT chuyên Lam Sơn đã bước đầu triển khai các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước, như phối hợp với một số trường đại học trong nước trong bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp; tổ chức giao lưu học sinh với Trường THPT Yeongju Jeil (Hàn Quốc); tham gia các cuộc thi khoa học kỹ thuật và một số hoạt động giao lưu học thuật quốc tế.

Tuy nhiên, quy mô và mức độ hợp tác quốc tế còn hạn chế, chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng của nhà trường. Các hoạt động hợp tác chủ yếu mang tính đơn lẻ, chưa thường xuyên, thiếu chiều sâu và chưa hình thành được các chương trình liên kết bền vững.

Nguyên nhân chủ yếu là do chưa có cơ chế, chính sách đặc thù cho hoạt động hợp tác quốc tế; nguồn kinh phí còn hạn chế; năng lực ngoại ngữ của một bộ phận giáo viên và học sinh chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Trong bối cảnh giáo dục ngày càng quốc tế hóa, thực trạng trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường năng lực hội nhập và từng bước đưa nhà trường tiếp cận các chuẩn mực giáo dục tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

## **7. Đánh giá chung**

Qua đánh giá toàn diện các mặt, Trường THPT chuyên Lam Sơn tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những trường chuyên có chất lượng hàng đầu cả nước, với nhiều thành tích nổi bật trong bồi dưỡng học sinh giỏi và giáo dục mũi nhọn.

Tuy nhiên, nhà trường đang đối mặt với không ít khó khăn, thách thức: cơ sở vật chất xuống cấp, thiếu đồng bộ và chưa phù hợp với mô hình trường chuyên; đội ngũ giáo viên còn thiếu, có dấu hiệu già hóa; cơ chế, chính sách chưa đủ sức thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chế độ khen thưởng thấp; hoạt động hợp tác quốc tế và các điều kiện phục vụ hội nhập còn hạn chế.

Trong bối cảnh tỉnh Thanh Hóa đẩy mạnh phát triển trở thành cực tăng trưởng của khu vực theo tinh thần Nghị quyết số 58-NQ/TW, yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, ngày càng trở nên cấp thiết. Với vai trò là trung tâm phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu của tỉnh, Trường THPT chuyên Lam Sơn cần được đầu tư phát triển tương xứng.

Nếu không có các giải pháp đồng bộ, đủ mạnh và kịp thời, nhà trường sẽ khó duy trì lợi thế cạnh tranh và có nguy cơ tụt hậu trong bối cảnh hội nhập giáo dục ngày càng sâu rộng.

Vì vậy, việc xây dựng và triển khai Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lam Sơn là hết sức cần thiết và cấp bách, nhằm khắc phục những hạn chế hiện tại, tạo nền tảng cho phát triển bền vững, nâng cao chất lượng giáo dục và khẳng định vị thế trong giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

### **PHẦN III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

##### **1. Quan điểm**

- Phát triển Trường THPT chuyên Lam Sơn là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Thanh Hóa; bảo đảm phù hợp với các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo bước đột phá trong phát triển giáo dục mũi nhọn của tỉnh; có uy tín, chất lượng cao trong khu vực và cả nước; từng bước tiệm cận trình độ khu vực và quốc tế.

- Phát triển Trường THPT chuyên Lam Sơn theo hướng hiện đại, đồng bộ, chất lượng cao; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục mũi nhọn với giáo dục toàn diện; chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực, tư duy sáng tạo, năng lực ngoại ngữ, năng lực số và năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong quản trị và tổ chức dạy học.

- Phát triển Trường THPT chuyên Lam Sơn gắn với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh; phát huy vai trò lan tỏa, dẫn dắt chuyên môn đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn; đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo của cấp

ủy đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước và huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường bền vững.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng Trường THPT chuyên Lam Sơn trở thành trung tâm đào tạo học sinh năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài của tỉnh Thanh Hóa; là cơ sở giáo dục mũi nhọn có chất lượng cao, uy tín trong khu vực và cả nước; giữ vững vị thế trong nhóm dẫn đầu cả nước về thành tích học sinh giỏi quốc gia, từng bước nâng cao thành tích Olympic khu vực và quốc tế; được đầu tư đồng bộ theo hướng hiện đại, thông minh, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong quản trị và dạy học, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và đất nước.

### **2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **a. Giai đoạn 2026- 2030**

- Đến năm 2030, quy mô 50 lớp chuyên với 1750 học sinh. Trong đó, mở mới các lớp chuyên: tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Nga, tiếng Pháp và tăng số lớp ở một số môn chuyên hiện có.

- Đến năm 2028, cơ bản hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 về cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, thông minh, bảo đảm đáp ứng yêu cầu dạy học và bồi dưỡng học sinh giỏi, xứng tầm trung tâm giáo dục mũi nhọn của cả nước.

- 80% giáo viên có trình độ thạc sĩ; 10% giáo viên có trình độ tiến sĩ; mỗi năm ít nhất có 5 đề tài nghiên cứu khoa học do giáo viên thực hiện hoặc hướng dẫn học sinh thực hiện.

- 80% giáo viên đạt trình độ tiếng Anh từ bậc B1 của khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) hoặc tương đương trở lên, trong đó 25% đạt bậc B2 (CEFR) hoặc tương đương trở lên; 10% giáo viên có thể dạy môn khoa học bằng tiếng Anh;

- 100% giáo viên ứng dụng tốt công nghệ thông tin và học liệu số; 100% giáo viên sử dụng AI trong thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ học tập; 100% giáo viên đạt chuẩn năng lực số.

- Ít nhất mỗi năm có 80% học sinh dự thi đạt giải học sinh giỏi quốc gia; có từ 1- 2 học sinh đạt giải Olympic quốc tế hoặc khu vực.

- 100% hoạt động quản trị, hồ sơ và báo cáo thực hiện trên nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục của nhà trường; 90% bài giảng được số hóa, hình thành kho học liệu số của nhà trường.

#### **b. Định hướng đến năm 2045**

- Từ năm 2031, căn cứ tình hình thực tiễn của tỉnh và các quy định hiện hành, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Trường THPT chuyên Lam Sơn nghiên cứu, tham mưu, đề xuất tăng quy mô số lớp, số lượng học sinh, bảo đảm đúng quy định và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục của tỉnh.

- Hoàn thiện thư viện số hiện đại, kết nối với các thư viện số trong nước và quốc tế; có khu khảo thí, phòng hội thảo quốc tế; 100% phòng học đạt chuẩn lớp học thông minh; số hóa 100% tài liệu học tập và tham khảo.

- 95% giáo viên đạt trình độ thạc sĩ, trong đó 15% đạt trình độ tiến sĩ; hàng năm có ít nhất 20 đề tài nghiên cứu khoa học do giáo viên chủ trì hoặc hướng dẫn học sinh thực hiện.

- 95% giáo viên đạt trình độ tiếng Anh bậc B1 của khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) hoặc tương đương trở lên, trong đó 40% đạt trình độ B2 của khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) hoặc tương đương trở lên; 30% giáo viên có khả năng giảng dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh.

- Ít nhất mỗi năm có 86% học sinh tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia đạt giải; có từ 1- 3 học sinh đạt giải tại các kỳ thi Olympic khu vực hoặc quốc tế.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Phát triển quy mô đào tạo và nâng cao chất lượng tuyển sinh**

- Xây dựng lộ trình phát triển quy mô đào tạo của nhà trường phù hợp với nhu cầu phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trên địa bàn toàn tỉnh. Trong đó, xây dựng lộ trình mở mới các môn chuyên: tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Nga và tiếng Pháp; từng bước mở rộng quy mô nhà trường từ 35 lớp chuyên hiện nay lên 50 lớp vào năm 2030 và tiếp tục phát triển giai đoạn sau năm 2030, đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn và điều kiện thực tế của nhà trường, của tỉnh và các quy định hiện hành.

- Đổi mới phương thức tuyển sinh theo hướng đánh giá năng lực, tư duy sáng tạo và khả năng học tập của học sinh, bảo đảm lựa chọn được những học sinh có năng khiếu.

- Xây dựng mạng lưới phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu từ cấp trung học cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh; tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục trung học cơ sở trong việc tổ chức hoạt động học thuật, bồi dưỡng học sinh giỏi, tạo nguồn tuyển sinh chất lượng cao, ổn định cho nhà trường.

### **2. Hiện đại hóa cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**

- Việc rà soát, quy hoạch, sắp xếp, đầu tư xây dựng, cải tạo và phát triển cơ sở vật chất của nhà trường được thực hiện theo lộ trình phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm đồng bộ, hiện đại, thông minh, phù hợp mô hình trường THPT chuyên chất lượng cao, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng có liên quan.

- Giai đoạn I (2026- 2030), tập trung rà soát, quy hoạch, sắp xếp, đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các hạng mục hạ tầng cơ sở; ưu tiên hệ thống phòng học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng học ngoại ngữ, trung tâm học liệu số, thư viện số và các điều kiện phục vụ dạy học, bảo đảm điều kiện dạy học cơ bản và bồi dưỡng học sinh giỏi. Giai đoạn tiếp theo (2031-2045), tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, đồng bộ, tiệm cận chuẩn khu vực và quốc tế; từng bước xây dựng phòng STEM/STEAM, phòng Robotics,

khu nghiên cứu khoa học học sinh, không gian sáng tạo, khu khảo thí, phòng hội thảo, và các công trình hỗ trợ khác trước năm 2045.

- Trang bị đồng bộ thiết bị dạy học, thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, phần mềm quản trị, bảo đảm đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình giáo dục nâng cao dành cho các môn chuyên và công tác bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

- Từng bước hoàn thiện khu nội trú, bán trú, nhà ăn, khu thể chất, chăm sóc sức khỏe học đường và các điều kiện phục vụ học sinh, đáp ứng yêu cầu phát triển quy mô và chất lượng giáo dục của nhà trường.

### **3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với giáo viên và học sinh**

Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đối với Trường THPT chuyên Lam Sơn theo hướng đồng bộ, đủ mạnh, phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục mũi nhọn trong giai đoạn mới.

\* Đối với đội ngũ giáo viên và chuyên gia:

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng giáo viên giỏi, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao tham gia giảng dạy, bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Có cơ chế hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực hội nhập quốc tế cho giáo viên.

- Nghiên cứu cơ chế mời giảng viên thỉnh giảng, chuyên gia trong và ngoài nước, cựu học sinh thành đạt tham gia giảng dạy, huấn luyện đội tuyển và hỗ trợ hoạt động học thuật.

\* Đối với học sinh:

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ học sinh chuyên, học sinh đội tuyển, học sinh đạt giải quốc gia, khu vực, quốc tế theo hướng khuyến khích phát triển tài năng<sup>1</sup>.

- Xây dựng cơ chế học bổng, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ tham gia các kỳ thi, chương trình học thuật trong nước và quốc tế.

- Có chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao.

\* Đối với nhà trường:

- Nghiên cứu cơ chế tăng cường giao quyền chủ động cho nhà trường trong tổ chức hoạt động chuyên môn, hợp tác giáo dục, huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ phát triển hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo, trao đổi học thuật với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

---

<sup>1</sup> Hiện nay, tỉnh đã có Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 03/11/2025 và Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của các tỉnh có thành tích giáo dục tương đương.

- Hình thành và phát triển các quỹ hỗ trợ như quỹ khuyến học, khuyến tài, quỹ hỗ trợ tài năng trẻ, quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học học sinh; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

- Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách theo lộ trình phù hợp, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

#### **4. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên**

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

- Tuyển dụng, bổ sung đội ngũ giáo viên theo lộ trình phát triển của nhà trường, bảo đảm đủ số lượng giáo viên khi quy mô đào tạo tăng lên.

- Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn, phương pháp dạy học hiện đại, năng lực nghiên cứu khoa học và năng lực hội nhập quốc tế. Chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực số, năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực xây dựng học liệu số và tổ chức dạy học hiện đại cho đội ngũ giáo viên.

- Chọn cử giáo viên tham gia các chương trình đào tạo sau đại học, các chương trình tập huấn chuyên môn trong nước và quốc tế.

- Từng bước xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia và Olympic quốc tế; khuyến khích giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học và các chương trình trao đổi học thuật với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Mời giảng viên thỉnh giảng, chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, cựu học sinh thành đạt tham gia bồi dưỡng chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, huấn luyện đội tuyển học sinh giỏi và hỗ trợ định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

#### **5. Phát triển chương trình giáo dục nâng cao và hoạt động nghiên cứu khoa học**

- Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình giáo dục nâng cao dành cho các môn chuyên trong trường THPT chuyên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với mục tiêu phát triển học sinh chuyên.

- Xây dựng, bổ sung, cập nhật hệ thống chuyên đề, tài liệu học thuật, tài liệu bồi dưỡng học sinh giỏi, ngân hàng đề thi và học liệu số phục vụ dạy học, bồi dưỡng học sinh chuyên, học sinh đội tuyển.

- Phát triển các chương trình giáo dục STEM/STEAM, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, nghiên cứu khoa học học sinh, định hướng nghề nghiệp và hội nhập quốc tế; từng bước tăng cường các hoạt động học thuật bằng tiếng Anh ở những môn, nội dung phù hợp.

- Tổ chức hiệu quả các câu lạc bộ học thuật, hội thảo, diễn đàn khoa học, cuộc thi nghiên cứu khoa học, hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm phát triển năng lực học thuật, tư duy độc lập, năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo của học sinh.

## **6. Nâng cao chất lượng giáo dục**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng và tư duy sáng tạo của học sinh; duy trì tỷ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi ở mức cao, tạo nền tảng vững chắc cho học sinh phát triển toàn diện.

- Nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi; phấn đấu duy trì ổn định thành tích trong nhóm các trường THPT chuyên dẫn đầu cả nước về số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi quốc gia; tăng số học sinh được lựa chọn tham gia các kỳ thi Olympic khu vực, quốc tế và số giải đạt được hàng năm.

- Nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực số, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo và từng bước tiếp cận chuẩn năng lực số, chuẩn năng lực AI đối với học sinh, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn mới.

- Xây dựng lộ trình tăng cường dạy và học ngoại ngữ, gắn với việc triển khai các lớp chuyên ngoại ngữ theo Đề án; từng bước mở rộng các hoạt động học thuật, câu lạc bộ, chuyên đề và một số nội dung giáo dục phù hợp bằng tiếng Anh và các ngoại ngữ khác, hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của học sinh.

## **7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong giáo dục**

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong quản trị nhà trường; xây dựng hệ thống quản trị số thống nhất, tích hợp dữ liệu về cán bộ, giáo viên, học sinh, chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính và các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng, hoàn thiện kho học liệu số, thư viện số, hệ thống quản lý học tập (LMS), ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi, hệ thống khảo thí và đánh giá trên nền tảng số, bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường và lộ trình của ngành giáo dục.

- Từng bước triển khai lớp học thông minh, phòng học thông minh, học bạ số, hồ sơ số, chữ ký số, tuyển sinh trực tuyến và các nền tảng phục vụ dạy học, kiểm tra, đánh giá, trao đổi thông tin giữa nhà trường với giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài giảng, tổ chức dạy học, hỗ trợ học tập, kiểm tra, đánh giá, phân tích dữ liệu học tập và quản trị nhà trường theo hướng an toàn, hiệu quả, có kiểm soát.

- Tổ chức bồi dưỡng chuẩn năng lực số và năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin và khai thác hiệu quả dữ liệu số phục vụ nâng cao chất lượng giáo dục.

- Xây dựng quy định nội bộ về sử dụng nền tảng số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo trong quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá và học tập; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sử dụng công nghệ đúng mục đích, hiệu quả và có trách nhiệm.

### **8. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế**

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ sở giáo dục trong nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng học sinh.

- Liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, tổ chức học thuật chuyên sâu, giáo dục STEM, trí tuệ nhân tạo và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

- Hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, phát triển chương trình giáo dục và nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên.

- Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh, giao lưu học thuật và hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục trong khu vực và trên thế giới.

### **9. Nâng cao hiệu quả quản trị và phát huy vai trò lan tỏa chuyên môn**

- Thực hiện quản trị nhà trường theo hướng phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các bộ phận và tổ chuyên môn; tăng cường phối hợp trong tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và xây dựng môi trường học tập tích cực, dân chủ.

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với phụ huynh, các tổ chức xã hội và chính quyền địa phương nhằm hỗ trợ công tác giáo dục học sinh, đồng thời huy động các nguồn lực góp phần phát triển nhà trường.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trên địa bàn tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên; đồng thời xây dựng, chia sẻ học liệu, chuyên đề, ngân hàng câu hỏi, đề thi và kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động học thuật, các kỳ thi, hội thảo chuyên môn và diễn đàn trao đổi kinh nghiệm nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn của tỉnh.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

### **1. Kinh phí:**

**a. Giai đoạn 2026-2030:** Tổng kinh phí dự kiến khoảng 545,87 tỷ đồng, trong đó 499,91 tỷ đồng cho giai đoạn 2026-2028 và 45,96 tỷ đồng cho giai đoạn 2028- 2030. Số liệu cụ thể sẽ được xác định trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt các chương trình, dự án, nhiệm vụ theo quy định.

Việc bố trí kinh phí thực hiện Đề án được thực hiện theo lộ trình, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh trong từng giai đoạn. Trong đó, giai đoạn 2026- 2028 tập trung bố trí nguồn lực để triển khai các hạng mục đầu tư cơ sở vật chất thiết yếu; giai đoạn 2028- 2030 tiếp tục hoàn thiện các hạng mục còn lại và đầu tư trang thiết bị theo hướng hiện đại, thông minh.

Việc triển khai các hạng mục đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn, tránh dàn trải, đồng thời gắn với lộ trình phát triển quy mô, đội ngũ và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**b. Giai đoạn 2030-2045:** Căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất kinh phí thực hiện theo quy định.

## **2. Nguồn kinh phí**

- Ngân sách nhà nước theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán chi thường xuyên hàng năm của tỉnh, kết hợp với các nguồn lực hợp pháp khác, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bao gồm nguồn xã hội hóa giáo dục, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp và đóng góp của cựu học sinh.

## **PHẦN IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Là cơ quan chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án; xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai các nhiệm vụ và giải pháp của Đề án.

- Chỉ đạo Trường THPT chuyên Lam Sơn xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu và lộ trình của Đề án.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu các cơ chế, chính sách nhằm phát triển đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh phối hợp với Trường THPT chuyên Lam Sơn trong việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

### **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

### **3. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính

sách đối với Trường THPT chuyên Lam Sơn, bao gồm: tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm; tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ; khen thưởng, chính sách đặc thù, thu hút nhân tài, chuyên gia giỏi; đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. Bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển trường chuyên chất lượng cao.

#### **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Trường THPT chuyên Lam Sơn triển khai cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Hỗ trợ kết nối với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ để triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Hướng dẫn, hỗ trợ phát triển hạ tầng số, học liệu số và các nền tảng công nghệ phục vụ quản trị, dạy học hiện đại.

#### **5. Sở Xây dựng**

- Hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; khảo sát thiết kế xây dựng dự án bảo đảm tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả sử dụng.

- Phối hợp kiểm tra chất lượng, tiến độ thi công các công trình; kịp thời phát hiện, xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng.

#### **6. Các sở, ban, ngành khác có liên quan**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai thực hiện Đề án.

#### **7. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn văn hóa; tăng cường tư vấn, định hướng học tập cho học sinh có năng lực học tập tốt, khuyến khích học sinh tham gia dự tuyển vào các lớp chuyên của Trường THPT chuyên Lam Sơn.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường THPT chuyên Lam Sơn và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức các hoạt động phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh tham gia các chương trình bồi dưỡng, hoạt động học thuật và các kỳ thi phù hợp.

#### **8. Trường Trung học phổ thông chuyên Lam Sơn**

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phù hợp với mục tiêu và lộ trình phát triển của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường.

- Phát triển đội ngũ giáo viên, đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số trong giáo dục.

- Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục trong nước và quốc tế.
- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan.

**PHỤ LỤC I**  
**THỰC TRẠNG QUY MÔ, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ ĐỘI NGŨ**  
**TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN**

**1. Quy mô trường lớp và học sinh**

**1.1. Quy mô trường lớp hiện tại**

Năm học 2025 - 2026, Trường THPT chuyên Lam Sơn có 35 lớp thuộc 09 môn chuyên với tổng số 1.225 học sinh, trong đó:

Khối lớp	Số lớp chuyên									Tổng số học sinh	Tổng số lớp
	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh		
Khối 10	2	1	1	1	1	2	1	1	2	420	12
Khối 11	2	1	1	1	1	2	1	1	2	418	12
Khối 12	2	1	1	1	1	1	1	1	2	387	11

**1.2. Quy mô trường lớp Trường THPT chuyên Lam Sơn với một số tỉnh mới tương đương**

Trong những năm gần đây, hoạt động đào tạo của nhà trường nhìn chung ổn định. Tuy nhiên, so với dân số và nhu cầu đào tạo học sinh năng khiếu của tỉnh Thanh Hóa, quy mô hiện tại của nhà trường vẫn còn hạn chế.

TT	Tỉnh/TP	Dân số ước tính (triệu)	Số trường chuyên	Số môn chuyên	Tổng số Lớp chuyên	Tổng số học sinh	Tỉ lệ học sinh chuyên/dân số
1	Thanh Hóa	4,3	1	9	35	1.225	0,028%
2	Ninh Bình	3,8	3	12	126	4.410	0,120%
3	Phú Thọ	3,6	3	11	136	4.760	0,130%
4	Đông Nai	4,5	3	10	82	2.870	0,064%
5	Nghệ An	3,8	2	13	66	2.310	0,068%
6	Hà Tĩnh	1,6	1	10	39	1.365	0,110%
7	Hải Phòng	4,7	2	14	90	3.042	0,065%

Nhu cầu thực tế đào tạo học sinh chuyên rất lớn: Thể hiện qua số lượng thí sinh đăng ký thi và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm:

Năm học	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
Số lượng đăng ký thi	1.562	1.707	1.488	1.309
Chỉ tiêu tuyển	385	420	420	420

**2. Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ**

**2.1. Cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất của nhà Trường THPT chuyên Lam Sơn hiện tại được tiếp nhận từ Trường Đại học Hồng Đức cũ năm 2015. Phần lớn các hạng mục xây dựng của Trường Đại học Hồng Đức đã hết niên hạn sử dụng. Một số hạng mục chưa được đầu tư cải tạo sửa chữa; một số công trình được cải tạo, sửa chữa nhưng chỉ có tính chất giải pháp tình thế nhằm đáp ứng yêu cầu dạy và học trước mắt, không có tính bền vững. Mặt khác, thiết kế của trường Đại học chuyên sang trường THPT chuyên không phù hợp về công năng sử dụng cũng như nhu cầu

thực tế, dẫn đến cơ sở vật chất hiện tại của trường không đồng bộ, có mặt còn dư thừa, có mặt còn thiếu hụt, chưa đáp ứng tốt nhiệm vụ của nhà trường trong giai đoạn mới.

Tổng hợp cơ sở vật chất hiện có:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Công trình xây dựng	13	
2	Phòng tin học	3	
3	Phòng ngoại ngữ	1	
4	Phòng STEM	1	
5	Phòng đội tuyển quốc gia	9	
6	Phòng thí nghiệm	3	
7	Thư viện	2	

*Chi tiết cụ thể:*

+ Các công trình xây dựng:

STT	Nội dung	Số tầng cao	Năm xây dựng	Hiện trạng	Ghi chú
1	Nhà A1- Nhà lớp học	04	1990	Đã được cải tạo sửa chữa nhưng tiếp tục xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
2	Nhà A2- nhà thí nghiệm tin học	03	1993	Đã được cải tạo sửa chữa nhưng tiếp tục xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
3	Nhà A3- Nhà hội trường	02	1997	Đã được cải tạo sửa chữa nhưng tiếp tục xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
4	Nhà A3- Nhà lớp học	03	1997	Đã được cải tạo sửa chữa nhưng tiếp tục xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
5	Nhà A4- Nhà lớp học	04	1999	Chưa được cải tạo sửa chữa, xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
6	Nhà A6- Nhà lớp học	02	1998	Chưa được cải tạo sửa chữa, xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
7	Nhà B5- Nhà nội trú	04	1998	Đã được cải tạo sửa chữa, xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
8	Nhà B6- Nhà bán trú	03	1984	Đã được cải tạo sửa chữa một nửa nhà nhưng tiếp tục xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
9	Nhà A5- Nhà Hiệu bộ	05	2001	Đã được cải tạo sửa chữa và sử dụng tương đối tốt	
10	Nhà A7- Nhà Hội trường	03	2007	Đã được cải tạo sửa chữa và sử dụng tương đối tốt	
11	Nhà truyền thống, thư viện	02	2003	Đã được cải tạo sửa chữa và sử dụng tương đối tốt	
12	Nhà thi đấu đa năng	01	2001	Chưa được cải tạo sửa chữa, xuống cấp, “nở” bê tông cốt thép, bong tróc, thấm dột	
13	Nhà ăn	02	2015	Mới được xây dựng	

+ Các phòng học chức năng:

TT	Phòng/ Khu vực chức năng	Số lượng	Ghi chú
1	Tin học	03	01 phòng hoạt động, 02 phòng máy tính hỏng do hết niên hạn sử dụng, không hoạt động
2	Ngoại ngữ	01	Thiếu thiết bị
3	Phòng STEM	01	Mới được xây dựng, có đủ thiết bị
4	Phòng Robotics	0	
5	Phòng Nghệ thuật	0	
	Phòng học đội tuyển quốc gia	09	Được trang bị cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học
	Khu thực hành, thí nghiệm		
6	Thực hành, thí nghiệm (Mỗi môn Vật lý, Hóa học, Sinh học có 01 phòng thực hành, 01 phòng chuẩn bị, 01 phòng kho chứa thiết bị)	09	Thiếu thiết bị do nhiều thiết bị được trang cấp cho chương trình GDPT 2006 đã cũ, hỏng; các thiết bị cho chương trình GDPT 2018 chưa được cấp đủ; thiếu thiết bị dạy học chuyên sâu, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế
7	Thư viện (01 phòng đọc, 01 kho sách)	02	Phòng đọc nhỏ, hẹp, thiếu thiết bị
	Khu giáo dục thể chất		
8	Sân bóng chuyền	02	Sân xi măng, không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật
	Sân cầu lông	04	
	Sân bóng đá	01	Sân cỏ nhân tạo đã cũ
	Sân bóng rổ	02	Sân xi măng, không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật

## 2.2. Hạ tầng công nghệ

Trong thời gian qua, Trường THPT chuyên Lam Sơn đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy, góp phần hỗ trợ hoạt động chuyên môn và điều hành nhà trường. Một số hệ thống quản lý của ngành và tỉnh đã được triển khai và sử dụng trong thực tế.

Nhà trường hiện sử dụng học bạ điện tử và thực hiện nhập điểm, điểm danh học sinh trên hệ thống Vnedu của VNPT Thanh Hóa; dữ liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên được quản lý trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục csdl.moet.gov.vn; công tác quản lý hồ sơ chuyên môn như giáo án, kế hoạch cá nhân được thực hiện trên VNPTSmartCA của VNPT Thanh Hóa.

Tuy nhiên, các hệ thống trên hiện còn phân tán, chưa được tích hợp và khai thác dữ liệu một cách đồng bộ phục vụ quản trị nhà trường. Công tác quản trị tại một số bộ phận (Y tế, Giám thị, Văn phòng) vẫn thực hiện thủ công; dữ liệu lưu trữ mang tính cục bộ trên thiết bị cá nhân, thiếu tính kết nối và chưa được tích hợp vào hệ thống quản lý chung của nhà trường (do nhà trường chưa có hệ thống quản lý chung).

Trong hoạt động giảng dạy, giáo viên đã bước đầu sử dụng công nghệ để hỗ trợ soạn giảng và khai thác học liệu số. Tuy nhiên, học liệu số chưa được

quản lý tập trung, việc chia sẻ và lưu trữ học liệu số hiện nay còn mang tính thủ công, rời rạc qua các ứng dụng nhắn tin hoặc nền tảng lưu trữ cá nhân, chưa hình thành được hệ thống quản trị dữ liệu tập trung và kho học liệu dùng chung có cấu trúc.

Việc ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá hiện mới dừng ở khâu nhập điểm và tổng hợp kết quả trên học bạ số; chưa triển khai đồng bộ kiểm tra, đánh giá trực tuyến hoặc ngân hàng đề số hóa. Việc tổ chức cho học sinh kiểm tra, thi trên máy tính chưa phù hợp để triển khai rộng rãi do nhiều yếu tố về hạ tầng, bảo mật, kỹ năng học sinh và đặc thù đánh giá các môn chuyên.

Trong trao đổi, phối hợp giáo dục, vnEduConnect và Zalo hiện là kênh giao tiếp chính giữa giáo viên với giáo viên, giáo viên với học sinh và cha mẹ học sinh. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hiện nay chủ yếu do giáo viên tự chủ động tìm hiểu và áp dụng, chưa có định hướng và quản lý thống nhất ở cấp nhà trường.

Nhìn chung, việc ứng dụng công nghệ tại Trường THPT chuyên Lam Sơn đã có nền tảng ban đầu, song còn phân tán, thiếu tính hệ thống và chưa phát huy hiệu quả của dữ liệu số trong quản trị và nâng cao chất lượng giáo dục.

### 3. Cơ chế chính sách

TT	Tiêu chí	Hiện trạng	Ghi chú
1	Cơ chế hỗ trợ giáo viên và học sinh	Thực hiện theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	Hỗ trợ tốt cho học sinh và giáo viên
2	Chế độ khen thưởng cho giáo viên và học sinh	Thực hiện theo Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	Thấp so với nhiều địa phương có thành tích bồi dưỡng học sinh giỏi tương đồng
3	Chính sách thu hút giáo viên giỏi, sinh viên giỏi	Chưa có	
4	Chính sách hợp tác quốc tế	Chưa có	
5	Chính sách hỗ trợ đào tạo giáo viên	Chưa có	
6	Chính sách hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng cựu học sinh đạt giải quốc gia về tỉnh, về Trường THPT chuyên Lam Sơn	Chưa có	

### 4. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên

Năm học 2025-2026 cơ cấu đội ngũ, cán bộ như sau:

T T	Tổ, môn	Biên chế hiện có	Giới tính		Trình độ			Độ tuổi					SL BC được giao	Thiếu
			Nam	Nữ	TS	Th.S	Đ H	Dưới 30	31 đến 40	41 đến 50	51 đến 60	Trên 60		
1	BGH	3	2	1	2	1				1	2		3	0
2	Toán	14	6	8	3	11			1	5	8		15	1
3	Vật lí	7	5	2	2	4	1		1	4	2		9	2
4	KTCN	3	2	1		2	1			3			3	0

T T	Tổ, môn	Biên chế hiện có	Giới tính		Trình độ			Độ tuổi					SL BC được giao	Thiếu
			Nam	Nữ	TS	Th.S	Đ H	Dưới 30	31 đến 40	41 đến 50	51 đến 60	Trên 60		
5	Hóa học	9	5	4		4	5	1		3	4	1	9	0
6	Sinh	6	1	5		6			1	3	2		7	1
7	KTNN	1		1		1				1			1	0
8	Tin học	7	4	3		6	1			6	1		7	0
9	Ngữ văn	10		10	1	8	1			8	2		14	4
10	Lịch sử	6		6		6				2	4		7	1
11	KTPL	3	1	2			3				3		4	1
12	Địa lí	6		6		5	1		3	2	1		7	1
13	Tiếng Anh	16		16		13	3	2	4	10			16	0
14	TDQP	5	2	3		5			2	3			7	2
15	Âm nhạc	0											1	1
16	Mỹ thuật	0											1	1
17	Nhân viên HC	2		2		1	1			1	1		13	11
18	Nhân viên QL nội trú	0											3	3
<b>Tổng</b>		<b>98</b>	<b>27</b>	<b>71</b>	<b>8</b>	<b>73</b>	<b>17</b>	<b>3</b>	<b>12</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>1</b>	<b>127</b>	<b>29</b>

## 5. Chất lượng giáo dục

### 5.1. Thành tích các kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia và Quốc tế

a) Thành tích thi học sinh giỏi Quốc gia năm học 2024-2025 và 2025-2026:

Môn	2024-2025					2025-2026				
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
Toán	2	3	4	1	10	3	4	2	1	10
Lý		2	7	1	10	2	7	1		10
Hóa		1	5	3	9		2	4	2	8
Sinh		4	4	2	10	1	4	4	1	10
Tin		3	3	1	7		1	6	2	9
Văn		1	4	4	9	1	2	4	3	10
Sử		3	3	3	9		1	5	3	9
Địa	1	2	2	3	8		1	3	6	10
Anh	1			4	5	1	4	3	2	10
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>19</b>	<b>32</b>	<b>22</b>	<b>77</b>	<b>8</b>	<b>26</b>	<b>32</b>	<b>20</b>	<b>86</b>

Kết quả các kỳ thi Học sinh giỏi quốc gia trong hai năm học 2024- 2025 và 2025- 2026 cho thấy chất lượng đào tạo mũi nhọn của nhà trường tiếp tục được duy trì ổn định và có bước phát triển tích cực. Tổng số giải đạt được tăng qua các năm học, trong đó số lượng giải cao chiếm tỷ lệ đáng kể, phản ánh hiệu quả của công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu cũng như chất lượng chuyên môn của đội ngũ giáo viên.

## b) Thành tích các kỳ thi Quốc tế

Olympic khu vực Châu Á					Olympic quốc tế				
Vàng	Bạc	Đồng	Bằng khen	Tổng	Vàng	Bạc	Đồng	Bằng khen	Tổng
2	4	12	5	23	10	20	15	4	49

Các thành tích đạt được tại các kỳ thi quốc tế là minh chứng rõ nét cho năng lực học thuật, khả năng nghiên cứu khoa học và mức độ hội nhập của học sinh nhà trường. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và khẳng định vị thế của nhà trường trong quá trình phát triển theo định hướng trường phổ thông năng khiếu tiệm cận chuẩn quốc tế.

## c) Kết quả thi Khoa học kỹ thuật

Quốc gia				Quốc tế				
Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích	Vàng	Bạc	Đồng	Bằng khen	Khác
2	05	03						01 giải Ba của Hiệp hội tâm lý Mỹ

**PHỤ LỤC II**  
**HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN ĐẾN NĂM 2045**

Nhóm chỉ tiêu	Hiện trạng	Chỉ tiêu theo giai đoạn	
		Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
<b>1. Quy mô lớp học</b>	- 35 lớp. - Bình quân 30- 35	- Quy mô 50 lớp. - Bảo đảm điều kiện dạy học chất lượng cao.	- Tùy theo điều kiện thực tiễn của nhà trường, nhu cầu của tỉnh và các quy định hiện hành để mở rộng quy mô đảm bảo phù hợp và đúng quy định. - Tăng cường điều kiện học tập chuyên sâu.
<b>2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ</b>	- Hệ thống phòng học cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy học, nhưng hầu hết đã xuống cấp. - Có phòng học bộ môn và phòng thí nghiệm nhưng chưa đồng bộ. - Hạ tầng CNTT đã được triển khai bước đầu. - Thư viện truyền thống là chủ yếu; chưa có thư viện số.	- Xây dựng, cải tạo trường, trong đó: (i) Xây dựng mới 50 phòng học; các phòng bộ môn, phòng thực hành, phòng học tin học, phòng học ngoại ngữ, phòng học STEM, phòng Robotics,... đảm bảo đủ nhu cầu triển khai thực hiện dạy và học; khu kí túc xá. (ii) Cải tạo, nâng cấp khu nhà làm việc 7 tầng, hội trường A7, hội trường A3, nhà truyền thống, nhà đa năng, khu giáo dục thể chất. - <b>60- 70% phòng học đạt tiêu chuẩn lớp học thông minh.</b> - Trang thiết bị công nghệ: Xây dựng thư viện số của nhà trường; số hóa 60- 70% tài liệu học tập và tham khảo. - Triển khai hệ thống LMS của nhà trường; 80- 90% môn học sử dụng LMS hỗ trợ dạy học. - <b>100% khuôn viên trường phủ wifi tốc độ cao</b> , hạ tầng CNTT đáp ứng dạy học số.	- Bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cấp cho phòng học chức năng (Trí tuệ nhân tạo, STEM, âm nhạc, mỹ thuật, các phòng khu khảo thí, hội thảo quốc tế, Maker space...) - 90- 100% phòng học đạt chuẩn lớp học thông minh. - Hoàn thiện thư viện số hiện đại; kết nối với các thư viện số trong nước và quốc tế; số hóa 70- 90% tài liệu học tập và tham khảo.

Nhóm chỉ tiêu	Hiện trạng	Chỉ tiêu theo giai đoạn	
		Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
<b>3. Cơ chế chính sách</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có cơ chế hỗ trợ và khen thưởng giáo viên và học sinh nhưng mức khen thưởng còn thấp.</li> <li>- Một số hoạt động xã hội hóa giáo dục đã được triển khai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành Nghị quyết về cơ chế hỗ trợ và khen thưởng học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý Trường THPT chuyên Lam Sơn và các trường THPT trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Ban hành 01 chính sách thu hút, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng giáo viên giỏi, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, chuyên gia tham gia giảng dạy, huấn luyện học sinh giỏi.</li> <li>- Xây dựng 01 quỹ khuyến học, khuyến tài, quỹ hỗ trợ tài năng trẻ và nghiên cứu khoa học học sinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng 01 <b>quỹ hỗ trợ tài năng trẻ và nghiên cứu khoa học học sinh.</b></li> </ul>

Nhóm chỉ tiêu	Hiện trạng	Chỉ tiêu theo giai đoạn	
		Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
<b>4. Xây dựng đội ngũ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiệu 29, trong đó 15 giáo viên, 14 nhân viên hành chính</li> <li>- 70- 75% giáo viên có trình độ thạc sĩ.</li> <li>- 8 % giáo viên có trình độ tiến sĩ.</li> <li>- 70% giáo viên có trình độ B1, trong đó 20% có trình độ B2 hoặc đại học trở lên.</li> <li>- 100% giáo viên biết ứng dụng CNTT cơ bản trong dạy học.</li> <li>- 20- 30% giáo viên sử dụng AI trong thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ học tập.</li> <li>- Giáo viên bắt đầu sử dụng công cụ số trong dạy học và quản lý.</li> <li>- 2 % giáo viên có thể dạy môn khoa học bằng tiếng Anh.</li> <li>- Có hướng dẫn 3 đề tài khoa học</li> <li>- Bắt đầu quản trị nhà trường trên nền tảng số.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng tổng số giáo viên lên 155, nhân viên hành chính lên 16. Trong đó, tuyển dụng 62 giáo viên, 14 nhân viên hành chính.</li> <li>- 80% giáo viên có trình độ thạc sĩ.</li> <li>- 10% giáo viên có trình độ tiến sĩ.</li> <li>- 80% có trình độ tiếng Anh từ bậc B1 (theo chuẩn Châu Âu) hoặc tương đương trở lên, trong đó 25% có trình độ B2 (theo chuẩn Châu Âu) hoặc tương đương trở lên.</li> <li>- 100% giáo viên ứng dụng tốt CNTT và học liệu số.</li> <li>- 100% giáo viên sử dụng AI trong thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ học tập</li> <li>- 100% giáo viên đạt chuẩn năng lực số, có khả năng khai thác dữ liệu và công nghệ mới trong học tập và nghiên cứu.</li> <li>- 10% giáo viên có thể dạy môn khoa học bằng tiếng Anh.</li> <li>- Có hướng dẫn ít nhất 5 đề tài khoa học mỗi năm, trong đó có 2- 3 dự án thi KHKT cấp tỉnh.</li> <li>- Vận hành quản trị nhà trường trên nền tảng số.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ trên quy mô hiện tại đề xuất tuyển bổ sung giáo viên, nhân viên hành chính đảm bảo đúng quy định.</li> <li>- 95% giáo viên có trình độ thạc sĩ.</li> <li>- 15% giáo viên có trình độ tiến sĩ.</li> <li>- 90% có trình độ tiếng Anh từ bậc B1 (theo chuẩn Châu Âu) hoặc tương đương trở lên, trong đó 40% có trình độ B2 (theo chuẩn Châu Âu) hoặc tương đương trở lên.</li> <li>- 100% giáo viên ứng dụng tốt CNTT và học liệu số.</li> <li>- 100% giáo viên sử dụng AI trong thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá, hỗ trợ học tập và nghiên cứu khoa học.</li> <li>- 100% giáo viên có năng lực số cao, có khả năng khai thác dữ liệu và công nghệ mới trong học tập và nghiên cứu.</li> <li>- 30% giáo viên có thể dạy môn khoa học bằng tiếng Anh.</li> <li>- Có hướng dẫn 10- 20 đề tài khoa học mỗi năm, trong đó có 2- 3 dự án thi KHKT cấp tỉnh.</li> <li>- Vận hành mô hình trường học thông minh; Vận hành mô hình quản trị giáo dục số toàn diện.</li> </ul>

Nhóm chỉ tiêu	Hiện trạng	Chỉ tiêu theo giai đoạn	
		Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
<b>5. Chất lượng giáo dục</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 85- 90% học sinh đạt học sinh giỏi toàn diện.</li> <li>- Tỷ lệ trúng tuyển đại học <math>\geq 90\%</math>.</li> <li>- Đạt 75 giải học sinh giỏi quốc gia mỗi năm.</li> <li>- Có học sinh tham gia và đạt giải Olympic quốc tế/khu vực.</li> <li>- 6- 8 trúng tuyển đại học quốc tế/năm.</li> <li>- 6- 12 học sinh tham gia thi KHKT/năm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đạt học sinh giỏi toàn diện: trên 90%.</li> <li>- Tỷ lệ trúng tuyển đại học <math>\geq 95\%</math>.</li> <li>- 70- 85 giải HSG quốc gia/năm</li> <li>- 2- 4 học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc tế, trong đó có 1- 2 học sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực do Bộ GDĐT cử đoàn dự thi.</li> <li>- 10- 15 học sinh/năm trúng tuyển đại học quốc tế/năm</li> <li>- 20- 30 học sinh tham gia nghiên cứu khoa học/thi KHKT/năm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đạt học sinh giỏi toàn diện: Từ 95% trở lên.</li> <li>- Tỷ lệ trúng tuyển đại học từ 97% trở lên.</li> <li>- Đến năm 2035 tùy vào quy mô của nhà trường dự kiến từ 80-100 giải học sinh giỏi quốc gia mỗi năm; đến năm 2045 đạt từ 90- 120 giải/năm.</li> <li>- 3- 6 học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc tế, trong đó có 1- 2 học sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực do Bộ GDĐT cử đoàn dự thi.</li> <li>- Đến năm 2035, mỗi năm có từ 15- 20 học sinh trúng tuyển vào các trường đại học quốc tế; đến năm 2045, đạt từ 30- 40 học sinh/năm.</li> <li>- Đến năm 2035 mỗi năm có 30- 60 học sinh tham gia nghiên cứu khoa học/thi KHKT; đến năm 2045, có 60- 120 học sinh tham gia/năm.</li> </ul>

Nhóm chỉ tiêu	Hiện trạng	Chỉ tiêu theo giai đoạn	
		Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
<b>6. Chuyển đổi số trong giáo dục</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã sử dụng một số phần mềm quản lý, sổ điểm điện tử; dữ liệu chưa tích hợp đồng bộ.</li> <li>- Hệ thống internet và thiết bị CNTT đã được trang bị nhưng chưa đồng bộ, đã cũ.</li> <li>- Một số bài giảng điện tử đã được xây dựng nhưng chưa hình thành hệ thống học liệu số hoàn chỉnh.</li> <li>- Một số phòng học được trang bị thiết bị trình chiếu và internet phục vụ dạy học nhưng đã cũ.</li> <li>- Giáo viên và học sinh bước đầu tiếp cận và sử dụng một số công cụ AI hỗ trợ học tập.</li> <li>- Chưa có hệ thống LMS thống nhất hoặc mới triển khai ở mức thử nghiệm.</li> <li>- Một số hoạt động kiểm tra trực tuyến được triển khai nhưng chưa đồng bộ.</li> <li>- Giáo viên và học sinh bước đầu sử dụng công cụ số trong dạy học, vào điểm và học tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% hoạt động quản trị, hồ sơ, báo cáo được thực hiện trên nền tảng số; xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục của nhà trường kết nối với hệ thống của ngành.</li> <li>- Hoàn thiện mô hình quản trị trường học thông minh</li> <li>- 100% khuôn viên trường phủ wifi tốc độ cao; hạ tầng CNTT đáp ứng dạy học số và lớp học thông minh.</li> <li>- 90% bài giảng được số hóa; xây dựng kho học liệu số của nhà trường kết nối với học liệu quốc gia.</li> <li>- 60- 70% phòng học đạt tiêu chuẩn lớp học thông minh (màn hình tương tác, internet tốc độ cao, thiết bị dạy học số).</li> <li>- 100% giáo viên sử dụng AI trong thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ học tập.</li> <li>- Triển khai hệ thống LMS của nhà trường; 80-90% môn học sử dụng LMS hỗ trợ dạy học.</li> <li>- Xây dựng ngân hàng câu hỏi số hóa; 60- 70% hoạt động kiểm tra đánh giá được thực hiện trên nền tảng số.</li> <li>- Xây dựng thư viện số của nhà trường; số hóa 60-70% tài liệu học tập và tham khảo.</li> <li>- 100% giáo viên đạt chuẩn năng lực số; 80- 90% học sinh có kỹ năng sử dụng công cụ số và AI trong học tập.</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục tập trung; bước đầu sử dụng dữ liệu trong quản lý và đánh giá học sinh.</li> <li>- Xây dựng phòng thí nghiệm STEM/Robotics; trang bị thiết bị robot, lập trình, IoT, máy in 3D phục vụ dạy học STEM và nghiên cứu khoa học học sinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị trường học thông minh (Smart School) dựa trên dữ liệu lớn và hệ thống phân tích hỗ trợ ra quyết định.</li> <li>- Hạ tầng CNTT hiện đại, đáp ứng mô hình trường học thông minh và kết nối giáo dục quốc tế.</li> <li>- Hình thành hệ sinh thái học liệu số phong phú; 100% bài giảng có học liệu số, tích hợp AI hỗ trợ học tập cá thể hóa.</li> <li>- 100% phòng học đạt tiêu chuẩn lớp học thông minh, tích hợp hệ thống dạy học số và quản lý lớp học thông minh.</li> <li>- AI trở thành công cụ phổ biến trong dạy học và nghiên cứu khoa học; 100% giáo viên và học sinh có khả năng ứng dụng AI.</li> <li>- LMS tích hợp dữ liệu học tập, AI và phân tích học tập để cá thể hóa quá trình học tập.</li> <li>- Hoàn thiện hệ thống đánh giá thông minh; 100% dữ liệu đánh giá được phân tích để hỗ trợ cải tiến dạy học.</li> <li>- Hình thành thư viện số hiện đại; kết nối với các thư viện số trong nước và quốc tế; số hóa 60- 70% tài liệu học tập và tham khảo.</li> <li>- Giáo viên và học sinh có năng lực số cao, có khả năng khai thác dữ liệu và công nghệ mới trong học tập và nghiên cứu. 100% học sinh có kỹ năng sử dụng công cụ số và AI trong học tập.</li> <li>- Ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data) và phân tích học tập để hỗ trợ quản lý và cá thể hóa học tập.</li> <li>- Nâng cấp và mở rộng phòng thí nghiệm STEM/AI; tích hợp phục vụ nghiên cứu khoa học học sinh, các dự án đổi mới sáng tạo và hoạt động liên môn.</li> </ul>

### PHỤ LỤC III

## TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN

### I. Giai đoạn 2026-2030:

Tổng kinh phí dự kiến khoảng 545,87 tỷ đồng. Phân kì thành 2 giai đoạn nhỏ: 2026 -2028; 2028 - 2030.

Đơn vị tính: *Tỷ đồng*

STT	Hạng mục	Tổng (2026-2030)	Giai đoạn 1 (2026-2028)	Giai đoạn 2 (2028-2030)
1	Xây dựng cơ sở vật chất	466,74	466,74	0,00
2	Đầu tư phát triển đội ngũ	47,38	22,30	25,08
3	Chế độ hỗ trợ học sinh	21,65	4,81	16,84
4	Kinh phí khen thưởng	1,10	0,66	0,44
5	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và học sinh	9,00	5,40	3,60
	<b>Tổng cộng</b>	<b>545,87</b>	<b>499,91</b>	<b>45,96</b>

**1. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất:** 466.739.107.000 đồng.

**1.1. Giai đoạn 2026 - 2028** (Tập trung đầu tư hạ tầng và nền tảng):

Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất: 466.739.107.000 (xây mới phòng học, phòng học bộ môn, khu STEM, trung tâm chuyên đổi số; cải tạo nhà thi đấu đa năng, phòng họp; và trang bị thiết bị đồng bộ).

**1.2. Giai đoạn 2028 - 2030:** Duy trì trạng thái hoạt động trên cơ sở vật chất đã có

**2. Kinh phí phát triển đội ngũ**

**2.1. Giáo viên**

**a. Nhu cầu giáo viên:**

Năm học/Giai đoạn	Số lớp	CBQL		Giáo viên			Nhân viên HC		SL cần tuyển bổ sung so với năm (giai đoạn) trước
		Có (dự kiến)	Thiếu	Nhu cầu (biên chế)	Có (dự kiến)	Thiếu	Có (dự kiến)	Thiếu	
2025-2026	35	3	0	108	93	15	2	14	29 (15gv;14nv)
2026-2027	36	3	0	112	108	4	16	0	4

Năm học/Giai đoạn	Số lớp	CBQL		Giáo viên			Nhân viên HC		SL cần tuyển bổ sung so với năm (giai đoạn) trước
		Có (dự kiến)	Thiếu	Nhu cầu (biên chế)	Có (dự kiến)	Thiếu	Có (dự kiến)	Thiếu	
2027-2028	37	3	0	115	112	3	16	0	3
2028-2029	40	3	0	124	115	9	16	0	9
2029-2030	45	3	0	139	124	16	16	0	16
2030-2031	50	3	0	155	139	15	16	0	15

**b. Kinh phí:**

Tổng kinh phí: 47.381.541.000 đồng.

Phương pháp: Kinh phí trả lương: Số lượng cán bộ, giáo viên gia tăng × Lương trong năm.

b1. Giai đoạn 2026-2028: 22.296.951.000 đồng.

b2. Giai đoạn 2028-2030: 25.084.590.000 đồng.

**2.2. Học sinh**

**a. Quy mô số học sinh hàng năm**

STT	Năm học/Giai đoạn	Số lớp	Số học sinh (dự kiến)	Số học sinh tăng so với năm (giai đoạn) trước	Ghi chú
1	2025-2026	35	1225		
2	2026-2027	36	1260	35	
3	2027-2028	37	1295	35	
4	2028-2029	40	1400	105	
5	2029-2030	45	1575	175	
6	2030-2031	50	1750	175	

**b. Kinh phí**

Tổng kinh phí: Kinh phí dự kiến chi cho học sinh (tăng thêm) giai đoạn 2026-2030: 21.644.550.000 đồng.

Phương pháp: Số lượng học sinh × Mức hỗ trợ/tháng × 9 tháng/năm.

b1. Giai đoạn 2026-2028: 4.809.900.000 đồng.

b2. Giai đoạn 2028-2030: 16.834.650.000 đồng.

### 3. Kinh phí khen thưởng: 1.100.000.000 đồng.

Dự kiến số lượng giải quốc gia, quốc tế hàng năm tăng thêm (so với thời điểm hiện tại):

STT	Loại giải	Giai đoạn 2026- 2030	Giai đoạn 2031- 2045	Ghi chú
1	Quốc gia	Tăng 10 giải/năm	Tăng từ 10 đến 20 giải/năm	
2	Quốc tế	Tăng 01 giải/năm	Tăng từ 01 đến 02 giải/năm	

Kinh phí dự kiến khen thưởng (tăng thêm) giai đoạn 2026-2030: 1.100.000.000 đồng.

#### b1. Giai đoạn 2026-2028: 660.000.000 đồng

- Quốc gia: 10 giải/năm x 3 năm x 12.000.000/giải = 360.000.000 đồng.
- Quốc tế: 01 giải/năm x 3 năm x 100.000.000/giải = 300.000.000 đồng.

#### b2. Giai đoạn 2028-2030: 440.000.000 đồng

- Quốc gia: 10 giải/năm x 2 năm x 12.000.000/giải = 240.000.000 đồng.
- Quốc tế: 01 giải/năm x 2 năm x 100.000.000/giải = 200.000.000 đồng.

### 4. Kinh phí cho các chương trình trọng điểm: 9.000.000.000 đồng

(Đơn vị: Tỷ đồng)

STT	Nội dung đầu tư	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
1	Chương trình bồi dưỡng giáo viên	0,5	Đề xuất hàng năm	
2	Chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia và quốc tế (tăng thêm các đội tuyển Trung, Hàn, Nhật, Nga, Pháp theo lộ trình)	0,5	Đề xuất hàng năm	
3	Chương trình nghiên cứu khoa học và giáo dục STEM	0,5	Đề xuất hàng năm	
4	Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ, AI trong giáo dục	5	Đề xuất hàng năm	
5	Hợp tác quốc tế và chương trình giáo dục tiên tiến	1	Đề xuất hàng năm	
6	Hoạt động học thuật, hội thảo khoa học, giao lưu quốc tế	1,5	Đề xuất hàng năm	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9,0</b>		

Kinh phí dự kiến giai đoạn 2026-2030: 9.000.000.000 đồng.

b1. Giai đoạn 2026-2028: 5.400.000.000 đồng.

b2. Giai đoạn 2028-2030: 3.600.000.000 đồng.

## **II. Giai đoạn từ 2031-2045:**

Giai đoạn này hướng tới quy mô 60 lớp và hội nhập quốc tế toàn diện. Kinh phí sẽ được điều chỉnh hàng năm dựa trên tình hình thực tiễn và trượt giá, dự kiến bao gồm:

- Cơ sở vật chất: Tiếp tục duy trì, bảo trì định kỳ các phòng học, phòng chức năng; cập nhật công nghệ cho trung tâm số và các phòng thí nghiệm, phòng thực hành STEM, Robotics.
- Phát triển nhân lực: Ưu tiên mời giảng viên quốc tế, các chương trình liên kết đào tạo toàn cầu.
- Chế độ chính sách: Tiếp tục thực hiện các cơ chế đặc thù cho giáo viên và học sinh trường chuyên theo quy định của tỉnh tại thời điểm thực hiện.
- Kinh phí dự kiến: Căn cứ tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh từng năm để đề xuất mức kinh phí phù hợp.

**PHỤ LỤC IV**  
**LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN**  
**TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN**

**1. Lộ trình quy mô lớp đào tạo**

**a. Quy mô lớp học**

Giai đoạn 2026- 2030	Giai đoạn 2031- 2045
- Quy mô từ 36- 50 lớp. - Bảo đảm điều kiện dạy học chất lượng cao.	- Tùy theo tình hình thực tế của nhà trường, nhu cầu thực tế của tỉnh để mở rộng quy mô đảm bảo phù hợp và đúng quy định.

**b. Phương án về số lượng lớp chuyên tuyển hàng năm**

STT	Các lớp chuyên	Số lượng lớp chuyên tuyển hàng năm						
		Hiện tại	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2030-2031	2031-2045
1	Toán	2	2	2	2	2	2	Tùy theo tình hình thực tế của nhà trường, nhu cầu của tỉnh để mở rộng quy mô đảm bảo phù hợp và đúng các quy định hiện hành
2	Vật lí	1	1	1	1	1	1	
3	Hóa học	1	1	1	1	1	1	
4	Sinh học	1	1	1	1	1	1	
5	Tin học	1	1	1	1	1	2	
6	Ngữ văn	2	2	2	2	2	2	
7	Lịch sử	1	1	1	1	1	1	
8	Địa lí	1	1	1	1	1	1	
9	Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	
10	Tiếng Trung	0	0	1	1	1	1	
11	Tiếng Hàn	0	0	0	1	1	1	
12	Tiếng Nhật	0	0	0	1	1	1	
13	Tiếng Nga					1	1	
14	Tiếng Pháp					1	1	
<b>Tổng số lớp tuyển/năm</b>		<b>12</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>15</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	
<b>Tổng số lớp toàn trường</b>		<b>35</b> (có 5 lớp chuyên Văn)	<b>36</b> (đủ 6 lớp chuyên Văn)	<b>37</b>	<b>40</b>	<b>45</b>	<b>50</b>	

**c. Quy mô số học sinh hàng năm**

Năm học/Giai đoạn	Số lớp	Số học sinh (dự kiến)	Số học sinh tăng so với năm (giai đoạn) trước
2025-2026	35	1225	
2026-2027	36	1260	35
2027-2028	37	1295	35
2028-2029	40	1400	105
2029-2030	45	1575	175
2030-2031	50	1750	175

## 2. Lộ trình xây dựng cơ sở vật chất, trang bị thiết bị, công nghệ

Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai (2026) và hoàn thành xây dựng mới trường lớp (đến hết năm 2028). Hoàn thiện phòng học bộ môn và phòng thí nghiệm đạt chuẩn.</li> <li>- Trang bị đồng bộ thiết bị dạy học hiện đại.</li> <li>- Triển khai hệ thống quản trị nhà trường trên nền tảng số.</li> <li>- Triển khai thư viện số (Digital Library), phát triển kho học liệu số và dạy học trực tuyến.</li> <li>- Triển khai mô hình lớp học thông minh.</li> <li>- Hoàn thiện hệ thống quản trị nhà trường trên nền tảng số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp phòng thí nghiệm hiện đại.</li> <li>- Xây dựng trung tâm STEM và không gian sáng tạo.</li> <li>- Xây dựng trung tâm nghiên cứu khoa học học sinh.</li> <li>- Phát triển thư viện số và hệ sinh thái học tập số.</li> <li>- Vận hành mô hình quản trị giáo dục số toàn diện</li> <li>- Hoàn thiện mô hình trường học thông minh</li> <li>- Tăng cường ứng dụng AI trong dạy học.</li> <li>- Hoàn thiện môi trường giáo dục số.</li> </ul>

## 3. Lộ trình xây dựng cơ chế chính sách

Giai đoạn 2026-2030	Định hướng 2031-2045
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với giáo viên, học sinh Trường THPT chuyên Lam Sơn theo hướng tương xứng với thành tích và yêu cầu phát triển giáo dục mũi nhọn trong năm 2026.</li> <li>- Ban hành chính sách thu hút, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng giáo viên giỏi, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, chuyên gia tham gia giảng dạy, huấn luyện học sinh giỏi trong năm 2026.</li> <li>- Hình thành quỹ khuyến học, khuyến tài, quỹ hỗ trợ tài năng trẻ và nghiên cứu khoa học học sinh.</li> <li>- Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa, tài trợ hợp pháp, hợp tác giáo dục trong nước và quốc tế phục vụ phát triển nhà trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng nguồn lực xã hội hóa.</li> <li>- Tăng cường hợp tác với các trường đại học.</li> <li>- Phát triển quỹ hỗ trợ tài năng trẻ và nghiên cứu khoa học học sinh.</li> </ul>

## 4. Lộ trình xây dựng đội ngũ

### a. Nhu cầu về số lượng cán bộ, giáo viên

Năm học/Giai đoạn	Số lớp	CBQL		Giáo viên			Nhân viên HC		SL cần tuyển bổ sung so với năm (giai đoạn) trước
		Có (dự kiến)	Thiếu (dự kiến)	Nhu cầu (biên chế)	Có (dự kiến)	Thiếu (dự kiến)	Có (dự kiến)	Thiếu (dự kiến)	
2025-2026	35	3	0	108	93	15	2	14	29 (15gv;14nv)
2026-2027	36	3	0	112	108	4	16	0	4
2027-2028	37	3	0	115	112	3	16	0	3
2028-2029	40	3	0	124	115	9	16	0	9
2029-2030	45	3	0	139	124	16	16	0	16
2030-2031	50	3	0	155	139	15	16	0	15

**b. Yêu cầu về đội ngũ:**

Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
Tuyển dụng 62 giáo viên, 14 nhân viên hành chính	Tùy theo quy mô để tuyển dụng giáo viên, nhân viên đủ theo quy định hiện hành.
80% giáo viên có trình độ thạc sĩ.	90- 95% giáo viên có trình độ thạc sĩ
10% giáo viên có trình độ tiến sĩ.	12- 15% giáo viên có trình độ tiến sĩ.
100% giáo viên ứng dụng tốt CNTT và học liệu số; 100% ứng dụng AI trong dạy học.	100% giáo viên ứng dụng tốt CNTT và học liệu số; 100% giáo viên sử dụng AI
10% giáo viên có thể dạy môn khoa học bằng tiếng Anh.	20- 30% giáo viên có thể dạy môn khoa học bằng tiếng Anh.
Có hướng dẫn ít nhất 5 đề tài khoa học mỗi năm, trong đó có 2- 3 dự án thi KHKT cấp tỉnh.	Có hướng dẫn 10- 20 đề tài khoa học mỗi năm, trong đó có 2- 3 dự án thi KHKT cấp tỉnh.
Vận hành quản trị nhà trường trên nền tảng số	Vận hành mô hình trường học thông minh; Vận hành mô hình quản trị giáo dục số toàn diện

**5. Lộ trình chất lượng giáo dục**

Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
- Học sinh đạt học lực giỏi: trên 90%.	- Học sinh đạt học lực giỏi: Từ 95% trở lên.
- Tỷ lệ trúng tuyển đại học $\geq 95\%$ .	- Tỷ lệ trúng tuyển đại học từ 97% trở lên.
- 70- 85 giải HSG quốc gia/năm	Phấn đấu đến năm 2035 đạt từ 80- 100 giải học sinh giỏi quốc gia mỗi năm; đến năm 2045 đạt từ 90- 120 giải/năm.
- 2- 4 học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc tế, trong đó có 1- 2 học sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực do Bộ GDĐT cử đoàn dự thi.	- 3- 6 học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc tế, trong đó có 1- 2 học sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực do Bộ GDĐT cử đoàn dự thi.
- 10- 15 học sinh/năm trúng tuyển đại học quốc tế/năm	- Phấn đấu đến năm 2035, mỗi năm có từ 15- 20 học sinh trúng tuyển vào các trường đại học quốc tế; đến năm 2045, đạt từ 30- 40 học sinh/năm.
20- 30 học sinh tham gia nghiên cứu khoa học/thi KHKT/năm	Đến năm 2035 mỗi năm có 30- 60 học sinh tham gia nghiên cứu khoa học/thi KHKT; đến năm 2045, có 60- 120 học sinh tham gia/năm.

**6. Lộ trình chuyển đổi số trong giáo dục**

Nội dung	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
Hệ thống quản trị nhà trường	100% hoạt động quản trị, hồ sơ, báo cáo được thực hiện trên nền tảng số; xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục của nhà trường kết nối với hệ thống của ngành. - Hoàn thiện mô hình quản trị trường học thông minh	Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị trường học thông minh (Smart School) dựa trên dữ liệu lớn và hệ thống phân tích hỗ trợ ra quyết định.
Hạ tầng công nghệ thông tin và mạng	100% khuôn viên trường phủ wifi tốc độ cao; hạ tầng CNTT đáp ứng dạy học số và lớp học thông minh.	Hạ tầng CNTT hiện đại, đáp ứng mô hình trường học thông minh và kết nối giáo dục quốc tế.
Học liệu số	90% bài giảng được số hóa; xây dựng kho học liệu số của nhà trường kết nối với học liệu quốc gia.	Hình thành hệ sinh thái học liệu số phong phú; 100% bài giảng có học liệu số, tích hợp AI hỗ trợ học tập cá thể hóa.

Nội dung	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045
Lớp học thông minh	60- 70% phòng học đạt tiêu chuẩn lớp học thông minh (màn hình tương tác, internet tốc độ cao, thiết bị dạy học số).	100% phòng học đạt tiêu chuẩn lớp học thông minh, tích hợp hệ thống dạy học số và quản lý lớp học thông minh.
Ứng dụng AI trong dạy học	100% giáo viên sử dụng AI trong thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ học tập.	AI trở thành công cụ phổ biến trong dạy học và nghiên cứu khoa học; 100% giáo viên và học sinh có khả năng ứng dụng AI.
Hệ thống quản lý học tập (LMS)	Triển khai hệ thống LMS của nhà trường; 80- 90% môn học sử dụng LMS hỗ trợ dạy học.	LMS tích hợp dữ liệu học tập, AI và phân tích học tập để cá thể hóa quá trình học tập.
Hệ thống khảo thí và đánh giá trực tuyến	Xây dựng ngân hàng câu hỏi số hóa; 60- 70% hoạt động kiểm tra đánh giá được thực hiện trên nền tảng số.	Hoàn thiện hệ thống đánh giá thông minh; 100% dữ liệu đánh giá được phân tích để hỗ trợ cải tiến dạy học.
Thư viện số	Xây dựng thư viện số của nhà trường; số hóa 60- 70% tài liệu học tập và tham khảo.	Hình thành thư viện số hiện đại; kết nối với các thư viện số trong nước và quốc tế; số hóa 60- 70% tài liệu học tập và tham khảo.
Năng lực số của giáo viên và học sinh	100% giáo viên đạt chuẩn năng lực số; 80- 90% học sinh có kỹ năng sử dụng công cụ số và AI trong học tập.	Giáo viên và học sinh có năng lực số cao, có khả năng khai thác dữ liệu và công nghệ mới trong học tập và nghiên cứu. 100% học sinh có kỹ năng sử dụng công cụ số và AI trong học tập.
Cơ sở dữ liệu giáo dục và phân tích học tập	Xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục tập trung; bước đầu sử dụng dữ liệu trong quản lý và đánh giá học sinh.	Ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data) và phân tích học tập để hỗ trợ quản lý và cá thể hóa học tập.
Phòng thí nghiệm số/STEM/AI	Xây dựng phòng thí nghiệm STEM/Robotics; trang bị thiết bị robot, lập trình, IoT, máy in 3D phục vụ dạy học STEM và nghiên cứu khoa học học sinh.	Nâng cấp và mở rộng phòng thí nghiệm STEM/AI; tích hợp phục vụ nghiên cứu khoa học học sinh, các dự án đổi mới sáng tạo và hoạt động liên môn.

## PHỤ LỤC V

### DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Bắt đầu	Hoàn thành
1	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lam Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở GD&ĐT	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Trường THPT chuyên Lam Sơn	Đề án được phê duyệt và triển khai thực hiện	2026	2026
2	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo chuẩn trường chuyên chất lượng cao	Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTDD và CN	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở GD&ĐT, Trường THPT chuyên Lam Sơn	Dự án/đề án đầu tư được phê duyệt và triển khai thực hiện	2026	2028
3	Xây dựng, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với Trường THPT chuyên Lam Sơn	Sở GD&ĐT	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Trường THPT chuyên Lam Sơn	Nghị quyết/quyết định/chính sách của tỉnh được ban hành	2026	2027
4	Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn cao	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, Trường THPT chuyên Lam Sơn, các cơ sở đào tạo giáo viên	Đội ngũ giáo viên có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo học sinh tài năng	2026	2045
5	Phát triển hợp tác quốc tế trong giáo dục	Trường THPT chuyên Lam Sơn	Sở Ngoại vụ, Sở GD&ĐT, các tổ chức giáo dục quốc tế	Mở rộng hợp tác đào tạo, trao đổi học sinh và giáo viên	2028	2045
6	Huy động nguồn lực xã hội hóa cho phát triển nhà trường	Trường THPT chuyên Lam Sơn	Sở Tài chính, Sở GD&ĐT, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cựu học sinh	Huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp phục vụ phát triển nhà trường	2026	2045